

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hoàng Thị Chung, ông Lê Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: bà Sầm Thị Thao –Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: ông
Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc
Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2024/TLST- HNGĐ,
ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi
ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày
13 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Vi Thị K, sinh năm 1988 (vắng mặt nhưng đã có đơn
đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Mông Văn B, sinh năm 1986 (vắng mặt nhưng đã có đơn đề
nghị xét xử vắng mặt).

Đều cùng nơi cư trú: thôn L, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2024, các lời khai, các tài liệu khác có
trong hồ sơ vụ án, chị Vi Thị K trình bày:*

Chị tự nguyện kết hôn với anh Mông Văn B, có đăng ký kết hôn ngày
04/11/2009 tại UBND xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới, chị về

chung sống với anh B tại thôn L, xã A, huyện S. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân do anh B hay uống rượu vợ chồng đánh, cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị và anh B đã ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh B có ba con chung: Mông Thị Bích D, sinh ngày 28/6/2010, Mông Thanh T, sinh ngày 09/9/2013, Mông Ngọc T1, sinh ngày 04/10/2018. Hiện nay ba con chung đang sống cùng chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không có.

Chứng cứ chị K đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 03 giấy khai sinh bản sao; 01 bản sao căn cước công dân; 01 phiếu gửi bưu điện; 01 Giấy chứng nhận kết hôn; 01 xác nhận thông tin nơi cư trú; bảng sao kê thu nhập.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2025, bị đơn là anh Mông Văn B trình bày:

Anh B thừa nhận nội dung chị K khai về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung là đúng. Anh B đồng ý ly hôn, đồng ý để chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không có.

Do anh đang đang bị tạm giam trong vụ án hình sự khác nên anh đề nghị được vắng mặt tại tất cả phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử vụ án.

Tòa án đã lấy lời khai của cháu Mông Thị Bích D và cháu Mông Thanh T. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với chị K.

Tại phiên tòa, chị K và anh B đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tại phiên tòa sơ thẩm.

Các đương sự: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Cho chị Vi Thị K ly hôn anh Mông Văn B.

Về con chung: giao cho chị Vi Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Mông Thị Bích D, sinh ngày 28/6/2010, cháu Mông Thanh T, sinh ngày 09/9/2013, cháu Mông Ngọc T1, sinh ngày 04/10/2018. Anh Mông Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không đặt ra xem xét.

Về án phí: chị Vi Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Vi Thị K và anh Mông Văn B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K, anh B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: các đương sự đều cư trú tại huyện S, tỉnh Bắc Giang; chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn”. Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: chị Vi Thị K và anh Mông Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện S ngày 04/11/2009. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh B là hợp pháp. Do vợ chồng mâu thuẫn, chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh B, yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của chị K, Hội đồng xét xử thấy: chị K và anh B đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay không còn tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến nhau. Cả chị K và anh B đều đồng ý ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, cho chị K được ly hôn anh B là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị K và anh B đều thừa nhận có 03 con chung là Mông Thị Bích D, sinh ngày 28/6/2010, Mông Thanh T, sinh ngày 09/9/2013, Mông Ngọc T1, sinh ngày 04/10/2018. Do anh B đang bị tạm giam vì vi phạm pháp luật hình sự, Chị K và anh B đều đồng ý để chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung, cháu D, cháu T cũng đều có nguyện vọng được ở với chị K nên cần giao cháu D, cháu T và cháu T1 cho chị K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo: chị Vi Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Cho chị Vi Thị K được ly hôn anh Mông Văn B.

2. Về con chung: giao cho chị Vi Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Mông Thị Bích D, sinh ngày 28/6/2010, cháu Mông Thanh T, sinh ngày 09/9/2013, cháu Mông Ngọc T1, sinh ngày 04/10/2018. Anh Mông Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Vi Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động theo biên lai thu số 0008605 ngày 01/11/2024. Xác nhận chị K đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã An Bá, H. S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo